Phụ lục 74
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ CHÂU PHÚ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 38, 41, 45, 46, 48, 49, 50, 51, 53, 61, 62, 63 Phụ lục 74 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL74 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	38	Đường Hàm Tử		Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Hảm Tử)
2	41	Cụm dân cư Nam Kênh 10 – Tây kênh 13		Sửa tên đường (Tên cũ: Cụm dân cư Nam Kênh 10 - Tây kênh 14)
3	45	Tuyến dân cư Tây Kênh 7	165	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến dân cư Tây kênh 8)
4	46	Tuyến dân cư Đông Kênh 7	155	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến dân cư Đông kênh 8)
5	48	Đường Tây kênh 13 (Kênh Cây Dương - Kênh 10 Châu Phú)	1.181	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Tây kênh 13 (Kênh Cây Dương - Kênh 10 Cầu Chữ S))

TT	Số TT PL74 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
6	49	Đường Bắc Cây Dương (Kênh 8 - Ranh Xã Vĩnh An)	985	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Bắc Cây Dương (Kênh 8 - Ranh huyện Châu Thành))
7	50	Đường Nam Kênh 10 Châu Phú (Kênh 8 - Ranh Xã Vĩnh An)	1.378	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường Nam Kênh 10 (Kênh 8 - Ranh huyện Châu Thành))
8	51	Quốc lộ 91		Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 92)
9	53	Đường Bắc Cây Dương		
		Kênh Đê - Kênh 8	605	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Đê - Kênh 12)
10	61	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	594	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
11	62	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	475	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**HỦY BỎ**			
1	63	Các tuyến đường còn lại		Hủy bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL74 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**I**	**Khu vực thuộc các ấp: Bình Hòa, Bình Nghĩa, Vĩnh Lộc, Vĩnh Phúc, Vĩnh Tiến**		**Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực thuộc các ấp: Bình Hòa, Bình Nghĩa, Vĩnh Lộc, Vĩnh Phúc, Vĩnh Thành, Vĩnh Tiến)**
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản	160	
2	2	Đất trồng cây lâu năm	205	
II	**II**	**Khu vực thuộc các ấp: Bình An, Bình Đức, Bình Khánh, Bình Quới, Bình Thới**		**Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực thuộc các ấp: Bình An, Bình Điền, Bình Đức, Bình Khánh, Bình Quới, Bình Tây, Bình Thới)**
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)		
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)		

TT	Số TT PL74 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
III	**III**	**Khu vực thuộc các ấp: Bình Chánh, Bình Châu, Bình Hưng, Bình Thắng, Bình Thuận, Chánh Hưng**		**Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực thuộc các ấp: Bình Chánh, Bình Châu, Bình Chiến, Bình Hưng, Bình Thắng, Bình Thuận, Chánh Hưng)**
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		
		Quốc lộ 91		
		Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)		
2	2	Đất trồng cây lâu năm		
		Quốc lộ 91		Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 91)
		Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, cấp II, sông Hậu)		
		Tiếp giáp kênh 10 CP, kênh Cây Dương, Kênh 7, Kênh Phù Dật	114	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp kênh 10 CP, kênh Cây Dương, Kênh Phù Dật);

TT	Số TT PL74 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
		Tiếp giáp Sông Hậu và Khu công nghiệp Bình Long	105	Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Sông Hậu);